

ĐÀ PHỤC HỒI TIẾP DIỄN

CHIẾN LƯỢC HÀNH ĐỘNG

ĐIỂM NHẤN ĐẦU TƯ

MUA

Các hoạt động mua trading T+, nhà đầu tư nên hạn chế mua ở các mức giá cao trong phiên mà nên chờ các nhịp điều chỉnh rung lắc của thị trường để mở vị thế.

BÁN

Đối với các nhà đầu tư cần thực hiện cơ cấu danh mục hoặc bán chốt lời các vị thế mua bắt đáy có thể sử dụng các lệnh trailing stop hoặc bán từng phần trong các nhịp phục hồi với vùng cản quan trọng 1.245-1.254 điểm.

VCG

MUA
↑ 11,87%
VND24.500

NHẬN ĐỊNH XU HƯỚNG VN-INDEX TRONG NGÀY

- **Diễn biến TTCK thế giới:** Phố Wall giảm điểm vào thứ Hai và chấm dứt mạch phục hồi tăng 9 phiên liên tiếp.
- **Xu hướng VN-Index ngắn hạn:** VN-Index đóng cửa phiên đầu tiên của tháng 5 ở mức 1240,05 điểm, tương đương mức cao nhất trong nhịp phục hồi kỹ thuật của nhịp giảm sốc do thuế quan. Thị trường đang tạo một vùng cân bằng tạm thời và việc chính thức đàm phán thương mại Việt Nam – Hoa Kỳ có thể là yếu tố hỗ trợ mới. Chúng tôi khuyến nghị nhà đầu tư tiếp tục nắm giữ các mã đang duy trì đà tăng mạnh, và có thể chọn lọc một số cổ phiếu thuộc các nhóm ngành đang thu hút dòng tiền tốt trong phiên để giải ngân thăm dò với tỉ trọng nhỏ nhằm tận dụng quán tính hồi phục của thị trường chung.

Thị trường thế giới

Chỉ số	Điểm số	%Chg	YTD
Dow Jones	41.218,83	-0,24	-3,12
S&P 500	5.650,38	-0,64	-3,93
Nasdaq	17.844,24	-0,74	-7,59
VIX	23,64	4,23	36,25
DAX	23.344,54	1,12	17,26
FTSE 100	8.596,35	1,17	5,18
CAC40	7.727,93	-0,55	4,70
Hang Seng	22.504,68	1,74	12,19

Nguồn: Bloomberg

ĐỒ THỊ KỸ THUẬT VN-INDEX



Chỉ báo kỹ thuật

	Ngày	Tuần	Tháng
Xu hướng VN-Index	BUY	NEUTRAL	SELL
Chỉ báo kỹ thuật	Giá trị	Hành động	
RSI (14)	50,41	NEUTRAL	
MACD (12,26)	-12,99	SELL	
ADX (14)	31,61	BUY	
SMA5	1.229,15	BUY	
SMA20	1.212,65	BUY	
SMA50	1.275,33	SELL	
SMA100	1.267,57	SELL	
SMA200	1.262,58	SELL	

ĐIỂM TIN CHÍNH

- **Thị trường Mỹ** giảm điểm vào ngày thứ Hai (05/05), chấm dứt mạch leo dốc 9 phiên liên tiếp, khi nhà đầu tư theo dõi những diễn biến mới nhất về thương mại toàn cầu. Chỉ số S&P 500 giảm 0.64% xuống 5,650.38 điểm, còn chỉ số Nasdaq Composite mất 0.74% còn 17,844.24 điểm. Chỉ số Dow Jones giảm 98.60 điểm (tương đương 0.24%) xuống 41,218.83 điểm.
- **Chỉ số Nhà Quản trị Mua hàng** – Manufacturing Purchasing Managers' Index™ (PMI) – ngành sản xuất Việt Nam của S&P Global trong tháng 4 đã giảm xuống dưới ngưỡng 50 điểm, sau tăng trưởng lần đầu trong 4 tháng. Cụ thể, PMI ngành sản xuất tháng 4 chỉ đạt 45,6 điểm, giảm tới 4,9 điểm so với mốc 50,5 điểm của tháng 3, cho thấy sức khỏe ngành sản xuất suy giảm rõ rệt so với tháng trước.
- **Theo số liệu của Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu Thủy sản Việt Nam (VASEP)**, xuất khẩu thủy sản Việt Nam trong 4 tháng đầu năm nay đạt 3,3 tỷ USD, tăng 21% so với cùng kỳ năm trước. Riêng tháng 4, kim ngạch đạt 850,5 triệu USD, tăng 10%.
- **OIL:** Tổng công ty Dầu Việt Nam – CTCP vừa công bố kết quả kinh doanh quý I/2025 với doanh thu gần 32.800 tỷ đồng, tăng 11% so với cùng kỳ năm 2024, lợi nhuận sau thuế hợp nhất đạt 26 tỷ đồng, giảm 89%, trong đó lợi ích của cổ đông công ty mẹ đạt 28 tỷ đồng, giảm 88% so với cùng kỳ.
- **TCH:** TCH ghi nhận doanh thu thuần đạt 859 tỷ đồng, giảm 46,9% so với cùng kỳ năm trước; lợi nhuận sau thuế đạt 254,5 tỷ đồng, giảm 50,7%.
- **VGI:** Trong quý 1, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của Viettel Global đạt 9.657 tỷ đồng, tăng 22% so với quý 1 năm 2024. Lợi nhuận trước thuế hợp nhất đạt 1.310 tỷ đồng. Đây là quý thứ 6 liên tiếp công ty ghi nhận mức tăng trưởng doanh thu trên 20%, cho thấy sự phát triển bền vững của Viettel Global, đặc biệt trong bối cảnh thị trường viễn thông toàn cầu gần như bão hòa.
- **REE:** Trong quý I/2025, REE đạt gần 2.070 tỷ đồng doanh thu thuần, tăng 13% so với cùng kỳ, trong khi giá vốn chỉ tăng thêm 2% nên lợi nhuận gộp đạt 950 tỷ đồng, tăng trưởng 208%. Trong kỳ, doanh thu tài chính tăng 57%, lên 110 tỷ đồng; chi phí tài chính giảm 15%, còn 191 tỷ đồng. Lợi nhuận từ các công ty liên kết cũng tăng 16%, lên 140 tỷ đồng. Kết quả REE lãi ròng 611 tỷ đồng, tăng 27% so với cùng kỳ.
- **PLX:** Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam đã công bố báo cáo tài chính hợp nhất quý I/2025 với doanh thu thuần đạt gần 67.896 tỷ đồng, giảm gần 10% so với cùng kỳ năm 2024. Lợi nhuận sau thuế quý I/2025 của PLX đạt 211 tỷ đồng, giảm tới 81% so với cùng kỳ; lợi nhuận Công ty mẹ cũng giảm đến 88%, còn 133 tỷ đồng.

Nguồn: VPBankS Research

Thị trường hàng hóa

Chỉ số	Giá (USD)	%Chg	YTD
Vàng	3.357,95	0,71	27,95
Dầu WTI	57,85	1,26	-19,34
Dầu Brent	60,97	1,23	-18,31
Than	98,50	0,51	-21,36
Đồng	9.365,50	1,73	6,81
Quặng sắt	97,76	0,40	-6,74
Thép	455,00	0,44	-4,36

Thị trường ngoại tệ

Chỉ số	Giá	%Chg	YTD
DXY	100,036	0,21	-7,79
USD/JPY	144,19	-0,34	9,02
USD/CNY	7,2714	0,00	0,38
EUR/USD	1,1289	-0,23	9,03
GBP/USD	1,3268	-0,21	6,01

Lãi suất một số NHTW

NHTW	Lãi suất	Cuộc họp tiếp theo	Thay đổi gần nhất
FED	4,50%	07/05/2025	0,00
ECB	2,40%	05/06/2025	-0,25
BOE	4,50%	08/05/2025	0,00
BOJ	0,50%	01/05/2025	0,00
SBV	6,50%	-	-50bp

Top 5 CP có GTGD lớn nhất

Mã CP	GTGD	Giá	%Chg
HPG	320,32	25.700	0,78
FPT	773,27	108.600	-0,73
MWG	308,94	61.000	0,33
TCB	238,25	26.500	0,76
STB	202,50	39.500	1,02

Top 5 CP vốn hóa lớn nhất

Mã CP	Vốn hóa	Giá	%Chg
VCB	477.109,05	57.100	-0,35
BID	244.694,46	34.850	0,87
CTG	200.569,19	37.350	0,40
FPT	159.758,11	108.600	-0,73
TCB	187.218,57	26.500	0,76

Nguồn: Investing, Bloomberg, VPBankS Research



Khuyến nghị

Giá hiện tại

Giá mục tiêu

Tiềm năng tăng giá

Vùng tăng tỷ trọng

Ngưỡng cắt lỗ

MUA

21.900

24.500

11,87%

21.500-21.800

<20.700

THÔNG TIN CẬP NHẬT DOANH NGHIỆP

- Vinaconex đặt mục tiêu cho năm 2025 với các chỉ tiêu tăng trưởng đáng kể. Cụ thể, kế hoạch doanh thu và thu nhập hợp nhất là 15.500 tỷ đồng, tăng 18% so với thực hiện năm 2024. Đặc biệt, lợi nhuận sau thuế hợp nhất được kỳ vọng đạt 1.200 tỷ đồng, tăng 8% so với mức thực hiện ấn tượng của năm 2024 và là mức lợi nhuận cao nhất Vinaconex đặt ra trong 5 năm trở lại đây.
- Vinaconex xác định bất động sản là trụ cột chính mang lại lợi nhuận cho doanh nghiệp trong năm 2025 và các năm tiếp theo.

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT CỔ PHIẾU

- VCG bật tăng trở lại sau khi kiểm nghiệm vùng hỗ trợ MA20, MA50 ngày. Kháng cự mạnh ngắn hạn tại vùng 22.500-22.800 đồng. Nhà đầu tư có thể quan sát và canh giải ngân tăng tỷ trọng cổ phiếu VCG nếu có những phiên tích lũy trên các ngưỡng hỗ trợ với vùng mua 21.500-21.800 đồng.

Thông tin tài chính

	FY2023	FY2024	Q42024
DTT (tỷ đ)	12.704	12.870	4.731
LNTT (tỷ đ)	556	1.373	489
LNST (tỷ đ)	396	1.108	343
Nợ/VCSH (%)	108	79	79
ROE (%)	5,70	12,02	12,02
ROA (%)	1,29	3,08	3,08
EPS (VNĐ)	671	1.548	972,09
P/E (lần)	32,8	11,7	22,53
P/B (lần)	1,82	1,33	1,61

Nguồn: VPBankS Research

ĐỒ THỊ KỸ THUẬT CỔ PHIẾU



Chỉ báo kỹ thuật

	Ngày	Tuần	Tháng
Xu hướng	BUY	BUY	BUY

Chỉ báo kỹ thuật	Giá trị	Hành động
RSI (14)	55,65	BUY
MACD (12,26)	0,17	BUY
ADX (14)	18,25	BUY
SMA5	21.520	BUY
SMA20	21.190	BUY
SMA50	21.330	BUY
SMA100	20.110	BUY
SMA200	19.160	BUY

DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ

STT	Mã cổ phiếu	Vị thế	Vùng mua	Ngày mua	Giá mua	Giá mục tiêu	Giá cắt lỗ	Ngày bán	Giá bán	+/-
Danh mục theo dõi										
1	HCM	Theo dõi	23,5-24,5			27,3	23,2			
Danh mục cổ phiếu chạm điểm mua										
1	SSI	Nắm giữ	21,5-22,5	22/4/2025	21,5	25,3	21,3			7,44%
2	VCG	Mua	21-21,8	22/4/2025	21	24,5	20,7			4,29%
3	TCB	Mua	25-25,8	28/4/2025	25,8	28,2	24,5			2,71%

Lưu ý: Các mã khuyến nghị đầu tư dựa trên yếu tố dòng tiền đầu cơ và có xu hướng tích lũy/tăng trong ngắn hạn theo phương pháp phân tích kỹ thuật.

DANH MỤC CỔ PHIẾU ĐÃ THỰC HIỆN

STT	Mã cổ phiếu	Vị thế	Vùng mua	Ngày mua	Giá mua	Giá mục tiêu	Giá cắt lỗ	Ngày bán	Giá bán	+/-
1	MWG	Chốt lời	39,6-40,8	5/6/2023	40,8	54,8	37,8	31/7/2023	54	32,35%
2	NLG	Chốt lời	31,3-32,45	9/6/2023	32	38,3	30,2	18/7/2023	38,3	19,69%
3	MWG	Hạ tỷ trọng	39,6-40,8	5/6/2023	40,8	47,8	37,8	11/7/2023	48,8	19,61%
4	DGW	Chốt lời	54,5-56	16/2/2024	56	63,2	53,9	13/3/2024	64,3	16,07%
5	HCM	Chốt lời	21,1-22	20/12/2023	21,9	24,3	20,4	2/1/2024	25,4	15,98%
6	SSI	Chốt lời	27,8-28,8	26/10/2023	27,2	32,8	26,9	10/11/2023	31,5	15,81%
7	DBC	Chốt lời	20,3-20,6	20/6/2023	20,6	23,6	19,2	6/7/2023	23,85	15,78%
8	DGW	Chốt lời	32,4-33	16/5/2023	33	37,2	30,7	6/6/2023	37,8	14,55%
9	VPB	Chốt lời	18,6-19,2	26/4/2023	19,2	22,6	17,9	1/8/2023	21,95	14,32%
10	ANV	Chốt lời	34,8-36,3	11/9/2023	36,3	41,2	33,8	22/9/2023	41,2	13,50%
11	DGW	Chốt lời	49-51,5	21/11/2023	50	57,8	48	8/1/2023	56,7	13,40%
12	HCM	Chốt lời	25,9-26,3	12/6/2023	26,3	29,5	24,5	5/7/2023	29,8	13,31%
13	SSI	Chốt lời	28,0-28,6	1/8/2023	28,6	33,5	27,4	25/8/2023	32,3	12,94%
14	PVS	Chốt lời	30,4-31,2	22/8/2023	31,2	35,2	29,3	30/8/2023	35,2	12,82%
15	HPG	Chốt lời	24,8-25,8	22/8/2023	25,8	29,1	24	7/9/2023	29,1	12,79%
16	NKG	Chốt lời	17,3-17,7	5/7/2023	17,5	20,4	16,3	21/7/2023	19,7	12,57%
17	KSB	Chốt lời	26,6-27,1	8/6/2023	27,1	30,5	25,2	27/6/2023	30,5	12,55%
18	NKG	Chốt lời	20,3-20,8	24/11/2023	20,8	23,9	19,6	30/11/2023	23,35	12,26%
19	HAH	Chốt lời	34-35,5	23/11/2023	35	40,7	32,9	26/12/2023	39,2	12,00%
20	GVR	Chốt lời	18,9-19,3	28/6/2023	19,3	22,3	18	11/7/2023	21,6	11,92%
21	VCG	Chốt lời	25,5-26,2	18/8/2023	26,2	29,3	24,5	5/9/2023	29,3	11,83%

DANH MỤC CỔ PHIẾU ĐÃ THỰC HIỆN GẦN ĐÂY

STT	Mã cổ phiếu	Vị thế	Vùng mua	Ngày mua	Giá mua	Giá mục tiêu	Giá cắt lỗ	Ngày bán	Giá bán	+/-
1	VCG	Chốt lời	17,7-18,1	14/01/2025	18,1	19,8	17,2	3/2/2025	20	10,50%
2	HPG	Cắt lỗ	26-26,8	5/2/2025	26,8	28,9	25,5	10/2/2025	25,50	-4,8%
3	VCI	Chốt lời	33,6-34,6	4/2/2025	34,35	37,45	32	3/3/2025	37,45	9,02%
4	SSI	Chốt lời	24,5-25	24/2/2025	25,3	27,4	23,8	13/3/2025	27,4	8,30%
5	POW	Cơ cấu	11,4-11,8	12/2/2025	11,8	13,2	11,2	14/3/2025	12	1,69%
6	VHC	Cơ cấu	67,5-69,5	18/2/2025	69,5	76	65,6	14/3/2025	67,9	-2,3%
7	PC1	Cơ cấu	23,5-23,9	26/2/2025	23,9	26,3	22,7	14/3/2025	23,1	-3,35%
8	KSB	Cơ cấu	19,6-20	6/3/2025	19,9	22,1	19	14/3/2025	19,85	-0,21%
9	DXG	Cơ cấu	15,7-16,2	11/3/2025	16,2	17,8	15,2	14/3/2025	16,1	-0,61%
10	BID	Cắt lỗ	38,6-39,3	6/2/2025	39,6	45	37,3	3/4/2025	37,3	-5,81%
11	KBC	Cắt lỗ	28,5-29,5	18/2/2025	29,2	33	27,6	3/4/2025	27,6	-5,4%
12	VPB	Cắt lỗ	18,7-19	21/02/2025	19	21,2	18	3/4/2025	18	-5,26%
13	STB	Chốt lời	33,7-34,7	4/4/2025	34,1	38,4	33	16/4/2025	38,6	13,20%
14	MBB	Chốt lời	21,8-22,3	22/4/2025	21,8	24,5	20,7	29/4/2025	23,7	8,72%
15	HPG	Chốt lời	23-24	22/4/2025	23,4	26,5	22,8	29/4/2025	25,65	9,62%

Email: Chienluocthitruong@vpbanks.com.vn

Theo dõi chúng tôi tại:



Mở tài khoản VPBankS tại:



Miễn trừ trách nhiệm:

Các thông tin, số liệu thống kê và khuyến nghị trong bản báo cáo này, bao gồm cả các nhận định cá nhân, được dựa trên các nguồn thông tin công bố đại chúng theo quy định của pháp luật, hoặc các nguồn thông tin mà chúng tôi cho rằng đáng tin cậy tính đến thời điểm phát hành báo cáo. Phòng Chiến lược thị trường chỉ sử dụng mà không thực hiện xác minh lại các thông tin này, do đó Phòng Chiến lược thị trường không đảm bảo về tính chính xác và đầy đủ của các thông tin này.

Báo cáo được lập với mục đích dự báo, cảnh báo những rủi ro tiềm ẩn có thể xảy ra, được sử dụng như thông tin tham khảo trong nội bộ VPBankS và VPBank. Chúng tôi không chịu trách nhiệm với các lan truyền thông nằm ngoài phạm vi này.

Bản quyền báo cáo thuộc về VPBankS, mọi hành vi sao chép, sửa đổi từng phần hoặc toàn bộ báo cáo là vi phạm bản quyền.

1

TƯ VẤN ĐẦU TƯ

Khuyến nghị:

- ACE NĐT vẫn tiếp tục tận dụng những phiên tăng điểm chốt lời ngắn hạn và tái cấu trúc mua lại khi TT điều chỉnh giảm điểm.
- Vùng hỗ trợ chỉ số VN-Index: 1150-1165.

👍❤️ 2

Khuyến nghị: 30/10/2024

NHCP	NVL	Tỷ lệ
Mua	16-16.5	
Cắt lỗ	Dưới 14	~(-12%)
Chốt lời 1:(50%)	18-19	~13%-18%
Chốt lời 2:(50%)	21-22	~18-37%
NHCP	MSN	Tỷ lệ
Mua	65-66	
	(Có thể DCA về 61-62)	
Cắt lỗ	Dưới 59	~(-5%)
Chốt lời 1:(50%)	72-75	~13%-14%
Chốt lời 2:(50%)	Năm giờ	
NHCP	GEX	Tỷ lệ
Mua	21-21.5	
Cắt lỗ	19.8	~(-4%)
Chốt lời 1:(50%)	23-24	~7%-12%
Chốt lời 2:(50%)	25.5-26	~13%-14%

by Thanh Bình

Q: ginlabs.vn

Ngoài những cp theo nhóm ngành đặc thù đã khuyến nghị, ACE tham khảo thêm CP khác theo khuyến nghị.

2

CHỐT LÃI HÀNG NGÀY

Mã chứng khoán	MWG
Tổng khối lượng CK	190,000
Giá vốn trung bình	43.34
Gốc đầu tư	99,800 đ
Giá trị thị trường	8,280,000,000 đ
Lãi/lỗ (dự kiến)	+479,500,200 đ (4.15%)

Một số mã cổ phiếu đáng chú ý:

- BMP: Lợi nhuận sau thuế đạt 257 tỷ đồng, tăng nhẹ so với cùng kỳ.
- ANV: Doanh thu đạt 4.439 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế chỉ còn 42 tỷ đồng, giảm lần lượt 9% và 94% so với năm 2022.
- MCM: Doanh thu gần như đi ngang nhưng lợi nhuận sau thuế tăng 8% so với năm 2022.
- MSB: Lợi nhuận trước thuế năm 2023 đạt 5.830 tỷ đồng, tăng nhẹ so với năm 2022.

🎉 Chúc mừng ACE đã mua HPG dưới 27.2 như khuyến nghị ngày 10/1, PVD giá 27.x theo khuyến nghị 22/1.

3

THAM GIA NHÓM ZALO



Quét mã hoặc truy cập
ginlabs.vn/room